ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Số: 646./TB-ĐHKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 08 năm 2016

THÔNG BÁO
THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I NĂM HỌC 2016 - 2017 KHÓA 11

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
1	CAM322	2	Bản đồ địa chính(116)_L01	50	20	15/08-06/11/16	12			1,2,3	3A103									
2	LNP322	2	Báo chí địa phương(116)_L01	70	70															Chưa xếp lịch
3	LNP322	2	Báo chí địa phương(116)_L02	70	54															Chưa xếp lịch
4	STB231	3	Bảo hiểm xã hội(116)_L01	75	69	15/08-06/11/16	12	4,5	3A204											
																		4,5	3A401	
5	SNK331	3	Biên tập văn bản báo chí(116)_L01	70	64															Chưa xếp lịch
6	SNK331	3	Biên tập văn bản báo chí(116)_L02	70	62															Chưa xếp lịch
7	HIS422	2	Các khuynh hướng tư tưởng Việt Nam thời cận đại(116)_L01	50	19															Chưa xếp lịch
8	TSS332	3	Các phương pháp phân tích cấu trúc vật rắn(116)_L01	50	26	15/08-06/11/16	12					4,5	3A103							
														3,4	3A103					
9	AIC421	2	Các PP nghiên cứu hóa vô cơ(116)_L01	50	22	15/08-06/11/16	12					1,2,3	3A403							
10	CHE631	2	Các PP phân tích điện hóa(116)_L01	50	48	15/08-06/11/16	12									3,4,5	3A302			
12	CHE821	2	Các PP phân tích quang học(116)_L01	50	47	15/08-06/11/16	12							4,5	3A402					
13	CHE831	2	Các PP phân tích sắc ký(116)_L01	50	48	15/08-06/11/16	12											1,2,3	3A403	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
14	RER421	2	Cải tạo và phục hồi sau khai thác khoáng sản(116)_L01	65	36	15/08-06/11/16	12	4,5	3A102											
15	HIS922	2	Chế độ ruộng đất trong LS cổ trung đại VN(116)_L01	50	19	15/08-06/11/16	12					1,2,3	3A104							
16	GTY331	3	Chi trả dịch vụ môi trường(116)_L01	65	26															Chưa xếp lịch
17	SSP421	4	Chính sách bảo đảm xã hội(116)_L01	70	49															Chưa xếp lịch
18	PSE322	2	Chính sách BĐKH phục vụ cho PT(116)_L01	50	23															Chưa xếp lịch
19	SLD321	3	Chính sách lao động và việc làm(116)_L01	70	50															Chưa xếp lịch
20	SPT231	3	Chính sách phòng chống tệ nạn XH(116)_L01	50	48	15/08-06/11/16	12					1,2	3A302							
																4,5	3A103			
21	SPN341	4	Chính sách xóa đói giảm nghèo(116)_L01	70	51															Chưa xếp lịch
22	SPC421	2	Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự(116)_L01	70	53	15/08-06/11/16	12	8,9,10	3A503											
23	TEK321	2	CN tách chiết các hợp chất thứ sinh(116)_L01	50	19															Chưa xếp lịch
24	BIA421	3	CNSH ứng dụng(116)_L01	50	25	15/08-06/11/16	12			3,4,5	3A401									
26	SBC321	2	Cơ sở khoa học của biến đổi khí hậu(116)_L01	50	24	15/08-06/11/16	12											1,2,3	3A302	
27	ENT321	3	Công nghệ Enzym(CN2)(116)_L01	50	17	15/08-06/11/16	12									1,2,3	3A402			
28	PHY925	2	Công nghệ nano(116)_L01	50	35	15/08-06/11/16	12									10,11,12	3A501			
29	PTE331	3	Công nghệ Protein(CN2)(116)_L01	50	17															Chưa xếp lịch
30	PIO222	2	Công nghệ sản xuất các chất vô cơ(116)_L01	50	50	15/08-06/11/16	12							7,8,9	3A502					

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
32	MST221	3	Công nghệ vi sinh(116)_L01	50	50	15/08-06/11/16	12							1,2,3	3A302					
33	ETK321	2	Công nghệ xử lý chất thải rắn(116)_L01	65	55	15/08-06/11/16	12									4,5	3A301			
34	SPL331	3	CTXH với người cao tuổi(116)_L01	75	75	15/08-06/11/16	12			9,10	3A501									
												4,5	3A104							
35	SPL331	3	CTXH với người cao tuổi(116)_L02	75	34	15/08-06/11/16	12			7,8	3A501									
														4,5	3A104					
36	SWR433	3	CTXH với người khuyết tật(116)_L01	75	75	15/08-06/11/16	12	4,5	3A501											
														1,2	3A401					
37	SWR433	3	CTXH với người khuyết tật(116)_L02	75	24	15/08-06/11/16	12	2,3	3A501											
														3,4	3A401					
38	SOW431	3	CTXH với phụ nữ yếu thế(116)_L01	75	75															Chưa xếp lịch
39	SOW431	3	CTXH với phụ nữ yếu thế(116)_L02	75	59															Chưa xếp lịch
40	SCF331	3	CTXH với trẻ em(116)_L01	75	58	15/08-06/11/16	12	4,5	3A304											
												4,5	3A304							
41	SCF331	3	CTXH với trẻ em(116)_L02	75	75	15/08-06/11/16	12	2,3	3A304											
														4,5	3A302					
43	HIS521	2	Đảng lãnh đạo chuẩn bị lực lượng và tổ chức cuộc khởi nghĩa T8/1945(116)_L01_1B3	50	31															Chưa xếp lịch

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
44	DHM321	2	Đánh giá nguồn tài nguyên nước Việt Nam(116)_L01	65	47															Chưa xếp lịch
45	RAE921	2	Đánh giá nhanh môi trường(116)_L01	65	65	15/08-06/11/16	12							1,2,3	3A301					
46	ATL322	2	Đánh giá tính thích nghi đất đai(116)_L01	65	47	15/08-30/10/16	11			1,2	3A302									
47	HUG421	3	Di truyền người(116)_L01	90	53	15/08-06/11/16	12			7,8,9	3A204									
48	GTP322	2	Địa mạo trong quy hoạch lãnh thổ(116)_L01	50	17	15/08-06/11/16	12					4,5	3B304							
49	IFT231	3	Dịch và biên tập tin, bài trên báo chí(116)_L01	70	70															Chưa xếp lịch
50	IFT231	3	Dịch và biên tập tin, bài trên báo chí(116)_L02	70	54															Chưa xếp lịch
51	SDL341	4	Định mức lao động(116)_L01	50	50	15/08-06/11/16	12			4,5	3A404									
																3,4,5	3A404			
52	SDL341	4	Định mức lao động(116)_L02	50	25	15/08-06/11/16	12			1,2,3	3A404									
																1,2	3A404			
53	HIS421	2	Đô thị cổ ở Việt Nam(116)_L01	50	19															Chưa xếp lịch
54	MAP322	2	Đo vẽ bản đồ địa chính(116)_L01	50	20															Chưa xếp lịch
55	HTT221	2	Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930 - 1975)(116)_L01_11B	50	31															Chưa xếp lịch
56	DHM221	2	Đường lối cách mạng Miền Nam (1954-1975)(116)_L01_185	50	31															Chưa xếp lịch
57	HIS423	2	Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)(116)_L01	50	31	15/08-06/11/16	12			1,2	3A403									
																4,5	3A403			

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
58	DHP221	2	Đường lối kháng chiến chống Pháp (1945-1954)(116)_L01	50	31	15/08-06/11/16	12	4,5	3A401											
												1,2	3A404							
59	ANC331	3	Giải tích lồi(116)_L01	50	48	15/08-06/11/16	12			10,11	3A402									
														3,4	3A101					
60	LEF421	2	Giám định pháp y(116)_L01	70	52															Chưa xếp lịch
61	MAC323	2	Giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu(116)_L01	50	23	15/08-06/11/16	12					3,4,5	3A302							
62	GSY331	3	Giám sát các bon rừng(116)_L01	65	23	15/08-06/11/16	12											1,2,3	3A301	
63	EED221	3	Giáo dục môi trường(116)_L01	75	75	15/08-06/11/16	12					7,8,9	3A104							
64	EED221	3	Giáo dục môi trường(116)_L02	75	64	15/08-06/11/16	12					10,11,12	3A104							
65	DAT331	3	Hệ quản trị CSDL(116)_L01	50	26	15/08-06/11/16	12							1,2,3	3A102					
66	LIS322	2	Hệ thống thông tin đất đai(116)_L01	50	20															Chưa xếp lịch
67	SOP221	2	Hóa dầu(116)_L01_1B2	80	69															Chưa xếp lịch
68	CHE722	2	Hóa học phức chất(116)_L01	50	20	15/08-06/11/16	12									7,8,9	3A501			
69	INB231	3	Hóa sinh công nghiệp(116)_L01	90	78	15/08-06/11/16	12			10,11,12	3A204									
70	TMA421	2	Khí tượng nhiệt đới và gió mùa châu Á(116)_L01	50	23															Chưa xếp lịch
71	SCI421	2	Khoa học điều tra hình sự(116)_L01	70	52	15/08-06/11/16	12									1,2,3	3A503			
72	INM322	2	Khoáng chất công nghiệp(116)_L01	65	37															Chưa xếp lịch

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
73	MTB321	3	Kĩ thuật mới trong CNSH (CN1)(116)_L01	50	35															Chưa xếp lịch
74	ETM321	2	Kĩ thuật xử lý nước cấp(116)_L01	65	55															Chưa xếp lịch
75	EVN926	2	Kiểm soát ô nhiễm không khí(116)_L01	50	24															Chưa xếp lịch
76	ARC321	2	Kiến trúc máy tính(116)_L01	50	23	15/08-06/11/16	12											3,4,5	3A101	
77	SUS321	2	Kinh doanh dịch vụ bổ sung(116)_L01	50	24															Chưa xếp lịch
78	SKN321	3	Kinh tế học nhân lực(116)_L01	70	68	15/08-06/11/16	12					4,5	3A401							
														4,5	3A304					
79	LAW421	2	Kỹ năng soạn thảo, đàm phán HĐ(116)_L01	70	63	15/08-06/11/16	12	4,5	3A503											
														4,5	3A503					
80	TCR331	2	Kỹ thuật tiến hành phản ứng & tách chất(116)_L01	50	35	15/08-06/11/16	12											1,2,3	3A402	
81	WTT921	2	Kỹ thuật xử lý nước thải(116)_L01	65	37	15/08-06/11/16	12					1,2	3A301							
82	VVI221	2	Làng xã Việt Nam(116)_L01	50	19	15/08-06/11/16	12											1,2,3	3A204	
84	PHY523	2	Linh kiện điện tử nano(116)_L01	50	26	15/08-06/11/16	12									3,4,5	3A102			
85	LOL431	3	Luật đất đai(116)_L01	120	114	15/08-06/11/16	12	2,3	3A503											
												4,5	3A503							
86	LOI421	2	Luật đầu tư(116)_L01	70	63	15/08-06/11/16	12							7,8,9	3A503					

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
87	LOR421	2	Luật La mã(116)_L01	70	63	15/08-06/11/16	12			4,5	3A503									
																4,5	3A503			
88	SLD221	2	Luật lao động(116)_L01	70	70	15/08-06/11/16	12					1,2,3	3A304							
89	LOE421	2	Luật môi trường(116)_L01	120	115	15/08-06/11/16	12							1,2,3	3A503					
90	GEG322	2	Lưới trắc địa(116)_L01	50	20	15/08-06/11/16	12							4,5	3A301					
91	GTC421	2	Lý luận chung định tội danh(116)_L01	70	53	15/08-06/11/16	12			1,2,3	3A503									
92	LAT231	3	Lý thuyết Galois(116)_L01	65	57	15/08-06/11/16	12	4,5	3A101											
																		2,3	3A501	
93	TRM321	3	Lý thuyết vành và môđun(116)_L01	65	56	15/08-06/11/16	12	11,12	3A302											
																		7,8	3A304	
94	NET321	3	Mạng máy tính(116)_L01	50	23	15/08-06/11/16	12	2,3	3A102											
												4,5	3A102							
95	MPL431	3	Marketing sản phẩm TT và DVTV(116)_L01	50	24	15/08-06/11/16	12							10,11	3A102					
																		11,12	3A101	
96	SSC421	2	Một số kỹ năng giải quyết vụ án theo tố tụng dân sự(116)_L01	70	63															Chưa xếp lịch
97	VNS531	3	Một số loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam(116)_L01	50	20	15/08-06/11/16	12			4,5	3A304									
																4,5	3A402			

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
98	BHS341	4	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản(116)_L01	50	23	15/08-06/11/16	12	2,3	3A502											
																4,5	3A502			
99	PRR341	4	Nghiệp vụ nhà hàng(116)_L01	50	23															Chưa xếp lịch
101	LAN321	3	Ngôn ngữ hình thức(116)_L01	50	23	15/08-06/11/16	12			3,4,5	3A102									
102	ENV421	2	Ngữ dụng học tiếng Việt(116)_L01	70	51	15/08-06/11/16	12					3,4,5	3A204							
103	HOV221	2	Những cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam(116)_L01_108	70	51															Chưa xếp lịch
104	CHE425	2	Phân tích phát xạ và hấp thụ nguyên tử(116)_L01	50	50	15/08-06/11/16	12					4,5	3A101							
105	LIL421	2	Pháp chế thư viện(116)_L01	50	24	15/08-06/11/16	12							7,8,9	3A102					
106	LSS421	2	Pháp luật về an sinh xã hội(116)_L01	70	62	15/08-06/11/16	12											1,2,3	3A503	
107	PLN421	2	Pháp luật Việt Nam về các vấn đề xã hội(116)_L01	70	50	15/08-06/11/16	12			1,2,3	3A204									
108	RAR332	3	Phóng sự phát thanh(116)_L01	70	70															Chưa xếp lịch
109	RAR332	3	Phóng sự phát thanh(116)_L02	70	55															Chưa xếp lịch
110	PPS431	3	Phương pháp số giải phương trình đạo hàm riêng(116)_L01	65	56	15/08-06/11/16	12			1,2	3A101									
														1,2	3A101					
111	HIS821	2	PP dạy học môn đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam(116)_L01	50	30	15/08-06/11/16	12	10,11	3A102											
																		7,8	3A101	
112	PAU321	2	Quá trình ngẫu nhiên(116)_L01	50	22	15/08-06/11/16	12					1,2,3	3A102							

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
113	PEE322	2	Quá trình và thiết bị môi trường(116)_L01	65	53	15/08-06/11/16	12			4,5	3A103									
114	VNS631	3	Quan hệ công chúng(116)_L01	50	20	15/08-06/11/16	12	10,11	3A101											
																		4,5	3A302	
115	RIM322	2	Quản lý lưu vực sông(116)_L01	65	23	15/08-06/11/16	12			1,2	3A301									
116	RIM322	2	Quản lý lưu vực sông(116)_L02	65	61	15/08-30/10/16	11											4,5	3A301	
117	EMA221	3	Quản lý môi trường(116)_L01	80	80															Chưa xếp lịch
118	EMA221	3	Quản lý môi trường(116)_L02	80	50															Chưa xếp lịch
119	EMB321	2	Quản lý sử dụng đất dốc bền vững(116)_L01	65	59	15/08-30/10/16	11			3,4,5	3A302									
120	MIW421	2	Quản lý tài nguyên đất và nước với sự tham gia của cộng đồng(116)_L01	65	47	15/08-30/10/16	11					3,4,5	3A301							
121	TQM321	2	Quan trắc môi trường(116)_L01	60	60	15/08-06/11/16	12	10,11	3A104											
122	TQM321	2	Quan trắc môi trường(116)_L02	60	60	15/08-06/11/16	12	8,9	3A104											
123	ADV331	3	Quảng cáo(116)_L01	70	68	15/08-06/11/16	12	4,5	3A402											
														4,5	3A502					
124	ADV331	3	Quảng cáo(116)_L02	70	57	15/08-06/11/16	12	2,3	3A402											
										4,5	3A204									
125	SWR422	2	Quy hoạch đô thị(116)_L01	50	17	15/08-06/11/16	12							4,5	3A102					
126	SWR421	2	Quy hoạch nông thôn mới(116)_L01	50	43	15/08-06/11/16	12									10,11,12	3A104			

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
127	SWR421	2	Quy hoạch nông thôn mới(116)_L02	65	65	15/08-06/11/16	12									7,8,9	3A104			
128	EON422	2	Quy hoạch sử dụng đất(116)_L01	50	21	15/08-06/11/16	12											4,5	3A402	
129	GIT421	2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội(116)_L01	50	19	15/08-06/11/16	12	2,3	3A103											
130	PLD322	2	Quy hoạch và thiết kế cảnh quan(116)_L01	50	18															Chưa xếp lịch
131	OPE221	2	Sản xuất sạch hơn(116)_L01	65	62															Chưa xếp lịch
132	HUB221	2	Sinh học người(116)_L01	50	35															Chưa xếp lịch
133	HAP231	3	Sinh lí người và động vật(116)_L01	50	40	15/08-06/11/16	12					3,4,5	3A402							
134	PLP231	3	Sinh lí thực vật(116)_L01	50	37	15/08-06/11/16	12							9,10,11	3A302					
137	STC221	3	SP trao đổi chất của VSV(116)_L01	50	50	15/08-06/11/16	12	3,4,5	3A104											
138	END421	2	Tai biến thiên nhiên(116)_L01	65	43	15/08-06/11/16	12							10,11,12	3A104					
139	END421	2	Tai biến thiên nhiên(116)_L02	65	65	15/08-06/11/16	12							7,8,9	3A104					
140	VMR322	2	Tài nguyên khoáng sản Việt Nam(116)_L01	65	37	15/08-06/11/16	12			3,4	3A301									
141	EGH432	3	TBDH bộ môn Địa lý ở THPT(116)_L01	50	24	15/08-06/11/16	12					7,8,9	3A102							
142	ECH432	3	TBDH bộ môn Hóa học ở THPT(116)_L01	50	24	15/08-06/11/16	12			10,11,12	3A102									
143	EBH432	3	TBDH bộ môn Sinh học ở THPT(116)_L01	50	24	15/08-06/11/16	12			7,8,9	3A102									
144	EPH432	3	TBDH bộ môn Vật lý ở THPT(116)_L01	50	24	15/08-06/11/16	12									10,11,12	3A403			
151	ASA221	2	Thống kê và xử lý kết quả thực nghiệm(116)_L01	80	69	15/08-06/11/16	12			7,8,9	3A104									

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
152	FID323	2	Thực địa 2(116)_L01	200	108															Chưa xếp lịch
153	FGV332	3	Thực địa Địa lý CQ, Địa NV & Địa lý Việt Nam(116)_L01	50	37															Chưa xếp lịch
154	FSP431	3	Thực hành báo cáo khoa học(116)_L01	65	56															Chưa xếp lịch
155	SOW432	3	Thực hành công tác xã hội 2(116)_L01	200	132															Chưa xếp lịch
156	FUF321	2	Thực phẩm chức năng(116)_L01	50	18	15/08-06/11/16	12											1,2,3	3A401	
158	STP331	4	Thực tập nghiên cứu và sản xuất(116)_L01	50	26															Chưa xếp lịch
159	NEF422	2	Thực tế chuyên môn 2(116)_L01	200	97															Chưa xếp lịch
160	SDT341	4	Tiền lương và thu nhập(116)_L01	70	70	15/08-06/11/16	12	2,3	3A204											
														1,2,3	3A304					
161	ERH321	2	Tiếng Anh dành cho Nhà hàng-Khách sạn(116)_L01	50	23															Chưa xếp lịch
162	EMA321	2	Tiếp cận hệ thống trong NCMT(116)_L01	65	64	15/08-06/11/16	12									1,2,3	3A301			
163	LAC421	2	Tội phạm học(116)_L01	70	53	15/08-06/11/16	12					1,2,3	3A503							
164	ARI321	3	Trí tuệ nhân tạo(116)_L01	50	23	15/08-06/11/16	12									3,4,5	3A101			
165	HOT221	2	Triều Nguyễn (1802 - 1945) một số vấn đề trong lịch sử(116)_L01	50	19	15/08-06/11/16	12									1,2,3	3A204			
166	SNK332	3	Truyền thông trên Internet(116)_L01	70	56	15/08-06/11/16	12	4,5	3A403											
																4,5	3A204			
167	SNK332	3	Truyền thông trên	70	68	15/08-06/11/16	12	2,3	3A403											

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
167	SNK332	3	Internet(116)_L02	70	68	15/08-06/11/16	12			4,5	3A402									
168	HIS623	2	Tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX(116)_L01	50	18	15/08-06/11/16	12			1,2,3	3A402									
169	GTO322	2	Ứng dụng GIS và viễn thám trong quy hoạch tổ chức lãnh thổ(116)_L01	50	17	15/08-06/11/16	12	4,5	3A103											
170	MAM331	3	Ứng dụng Microstation trong thành lập bản đồ chuyên đề(116)_L01	50	37	15/08-06/11/16	12									3,4,5	3A104			
171	CEM441	4	Văn hóa DTTS miền núi phía Bắc(116)_L01	50	20															Chưa xếp lịch
172	VNH423	3	Văn hóa làng và du lịch bản làng(116)_L01	50	20	15/08-06/11/16	12	4,5	3A302											
												4,5	3A403							
173	CFN331	3	Văn hóa lễ hội của các DTTS vùng núi phía Bắc(116)_L01	50	20															Chưa xếp lịch
174	WCC421	3	Văn học Pháp và châu Âu thế kỷ XVII-XX(116)_L01	75	51	15/08-06/11/16	12											1,2,3	3A104	
175	LIT904	3	Văn học thiểu số vùng núi phía Bắc(116)_L01	70	52															Chưa xếp lịch
176	COM322	2	Vật liệu Compozit(116)_L01	50	35	15/08-06/11/16	12			3,4,5	3A101									
177	SIM322	2	Vật liệu Silicat(116)_L01	50	36	15/08-06/11/16	12									1,2,3	3A103			
178	CHE622	2	Vật liệu vô cơ(116)_L01	50	21	15/08-06/11/16	12							1,2,3	3A403					
179	PSS332	3	Vật lý linh kiện sensor bán dẫn từ(116)_L01	50	26	15/08-06/11/16	12									1,2	3A102			
																		3,4	3A102	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
180	PHC332	3	Vật lý thông tin quang(116)_L01	50	26	15/08-06/11/16	12	2,3	3A301											
										1,2	3A102									
181	TEH321	2	VSV thực phẩm(116)_L01	50	51	15/08-06/11/16	12									3,4,5	3A401			
182	MEM321	2	VSV y học (CN3)(116)_L01	50	51	15/08-06/11/16	12					1,2,3	3A103							

GHI CHÚ:

- Các môn thực tập, thực tế; giờ thực hành, thí nghiệm các khoa/bộ môn lập kế hoạch và gửi các phòng chức năng;
- Đối với những môn học chưa xếp lịch (học cuốn chiếu) đề nghị các khoa/ bộ môn chủ động lên kế hoạch và liên hệ trực tiếp với phòng Đào tạo để xếp phòng học;
- Một số môn học chưa có trong TKB do chưa đủ số lượng sinh viên đăng ký, khi đăng ký đủ số lượng phòng Đào tạo sẽ bổ sung sau;
- Phân bố thời gian học đã công kế hoạch tổng thể năm học.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các Khoa/BM;
- Các phòng chức năng;
- Edocman;
- Website, SMS;
- Lưu: VT, ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

TS. Phạm Minh Tân